

Thứ ba, ngày 15 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Tiệm cận vùng đỉnh cũ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/6/2021		•	
Tuần 14/6-18/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu giằng co quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng nhưng đã duy trì sắc xanh trong phiên chiều và hiện đã vượt lên trên ngưỡng 1365. Dòng tiền đầu tư suy giảm và chỉ còn 10/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái cân bằng với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể vượt lên trên ngưỡng 1370 trong phiên tiếp theo nhưng áp lực bán cũng sẽ mạnh lên tại khu vực này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: BMP_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +5.64 điểm, đóng cửa 1367.36. HNX-Index -0.72 điểm, đóng cửa 318.29.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+2.45); GVR (+2.36); VIC (+1.57); VCB (+0.8); ACB (+0.75).
- Kéo chỉ số giảm: VPB (-2.73); SSB (-0.53); HPG (-0.48); LPB (-0.46); GAS (-0.41).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 23,183 tỷ đồng, -0.19% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 24,425 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 16.13 điểm. Thị trường có 183 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 198 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 95.78 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VIC (104.4 tỷ), PLX (96.9 tỷ) và VRE (84.9 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.14 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX 1367.36
Giá trị: 23183.88 tỷ 5.64 (0.41%)
Khối ngoại (ròng): 95.78 tỷ

HNX-INDEX 318.29
Giá trị: 3515.2 tỷ -0.72 (-0.23%)
Khối ngoại (ròng): -2.14 tỷ

UPCOM-INDEX 88.87
Giá trị: 1293.1 tỷ 0.04 (0.05%)
Khối ngoại(ròng): 10.18 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	71.1	0.32%
Giá vàng	1,864	-0.14%
Tỷ giá USD/VND	22,951	-0.20%
Tỷ giá EUR/VND	27,870	0.09%
Tỷ giá JPY/VND	20,852	-0.19%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	0.74%
LS TPCP 5 năm	1.1%	0.35%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	104.4	KDC	-323.1
PLX	96.9	VPB	-96.4
VRE	84.9	KBC	-71.1
VHM	70.2	MBB	-68.4
PDR	64.8	LPB	-37.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.26	0.54%	1.73%	11.62%	75.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.23	0.51%	1.40%	7.09%	64.86%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	218.24	0.52%	-1.65%	4.27%	70.39%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1866.32	0.01%	-1.40%	1.24%	5.81%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.86	0.03%	0.89%	1.61%	56.51%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1398.50	0.23%	-4.02%	0.14%	60.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	675.25	-0.55%	-2.39%	-3.71%	27.53%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.25	0.00%	0.58%	-12.17%	6.22%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	217.91	0.36%	0.21%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.39	-1.58%	-0.46%	-2.85%	42.31%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	156.20	-2.13%	-3.70%	5.22%	47.78%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9971.50	-0.32%	0.72%	-4.54%	74.71%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	819.68	2.15%	1.30%	-13.14%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	866.10	1.79%	1.11%	-15.34%			
Nhôm	USD/ton	2494.00	1.20%	2.80%	0.54%	58.15%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	189.80	3.05%	3.79%	-6.81%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	121.00	-2.42%	4.67%	17.99%	90.85%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu đạt mức cao nhất hơn 2 năm, do nguồn cung thắt chặt làm lu mờ sản lượng dầu thô Mỹ tăng và Anh trì hoãn việc mở cửa trở lại đã làm giảm kỳ vọng về tăng trưởng nhu cầu nhiên liệu.
- Chốt phiên giao dịch ngày 14/6, dầu thô Brent tăng 17 US cent lên 73,64 USD/thùng, trước đó trong phiên đạt 73,64 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 4/2019, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 3 US cent xuống 70,88 USD/thùng, sau khi đạt 71,78 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 10/2018.

Giá vàng

- Giá vàng giảm 1,7%, do các nhà đầu tư lo ngại Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể thu hẹp chính sách tiền tệ mở rộng tại cuộc họp 2 ngày trong tuần này.
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,7% xuống 1.863,98 USD/ounce, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 17/5/2021 (1.848,49 USD/ounce) và vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York giảm 0,7% xuống 1.865,9 USD/ounce.

Giá đồng

- Giá đồng giảm do mối lo ngại nước tiêu thụ hàng đầu – Trung Quốc – sẽ đưa ra hành động để hạn chế sự gia tăng giá kim loại công nghiệp.
- Giá đồng trên sàn London giảm 0,2% xuống 9.980 USD/tấn. Tính đến nay, giá đồng đã giảm gần 8% kể từ mức cao kỷ lục 10.747,5 USD/tấn trong tháng 5/2021. Tuần trước, giá đồng dao động trong khoảng 9.800-10.000 USD/tấn.

Giá cao su

- Giá cao su tại Nhật Bản tăng, khi Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) dự kiến sẽ duy trì các biện pháp kích thích mạnh để hỗ trợ nền kinh tế và hoạt động công nghiệp của nước này.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Osaka tăng 0,9 JPY tương đương 0,4% lên 238,9 JPY/kg.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica giảm do mưa tại Brazil và điều kiện cây trồng cà phê tại Colombia được cải thiện.
- Giá đường thô trên sàn ICE giảm xuống mức thấp nhất hơn 2 tuần, do triển vọng cây trồng tại một số nước sản xuất chủ chốt được cải thiện.

	15/6	% 15/6	14/6	% 14/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1367.36	0.41%	1361.72	0.74%	3.60%	7.98%
S&P 500			4255.15	0.18%	0.68%	4.73%
HĐTL S&P500	4250.25	0.11%	4245.70	0.21%	0.81%	3.74%
Shang- hai	3556.56	-0.92%	3589.75	-0.58%	-1.19%	3.70%
Euro Stoxx	4153.59	0.51%	4132.67	0.14%	1.41%	3.39%

Phân tích kỹ thuật
BMP_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BMP đang ở trạng thái tăng giá trở lại sau khi có giai đoạn đi ngang tích lũy trong hơn 2 tháng qua. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BMP nằm tại khu vực 59.5-60. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 67, cắt lỗ nếu ngưỡng 58.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

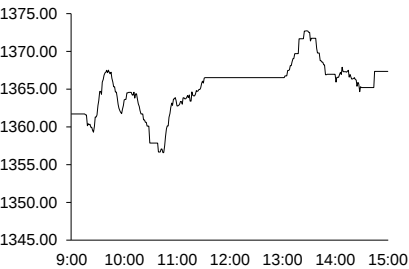
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	5.08%
Bảo hiểm	2.03%
Bất động sản	1.75%
Dịch vụ tài chính	1.70%
Ô tô và phụ tùng	1.68%
Du lịch và Giải trí	0.60%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.56%
Thực phẩm và đồ uống	0.44%
Bán lẻ	0.40%
Xây dựng và Vật liệu	0.39%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.45%
Tài nguyên Cơ bản	-0.45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.48%
Công nghệ Thông tin	-0.60%
Dầu khí	-0.80%
Ngân hàng	-0.94%
Y tế	-0.98%
Truyền thông	-1.11%
Viễn thông	-3.60%

Hình 1

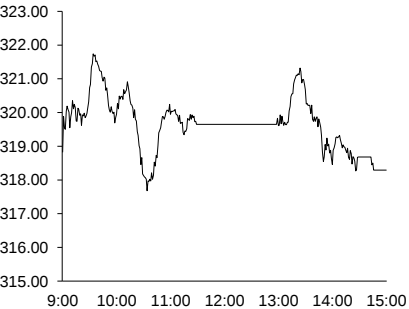
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	28	1	3.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	61.2	4	6.81%	Có thể tiếp tục mua
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	13.65	5	-3.87%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	13.65	6	4.20%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	20.5	7	-3.30%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	37.85	11	6.62%	Có thể tiếp tục mua
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	29.5	12	2.25%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.2	13	-1.92%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.85	15	-2.72%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	39.4	18	5.35%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	11.9	19	4.39%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	56.9	26	-2.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	29.2	27	13.05%	Có thể tiếp tục mua
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	36.8	48	3.66%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

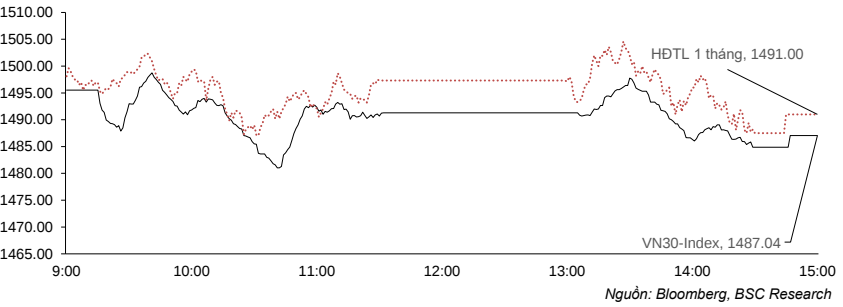
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	5	5.52%	-2.88%	2.52%	15
Cổ phiếu đã chốt	154	86	13.67%	-8.12%	5.86%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1491.00	-0.43%	3.96	20.0%	243,306	6/17/2021	4
VN30F2107	1488.60	-0.16%	1.56	169.0%	5,534	7/15/2021	32
VN30F2109	1483.80	-0.01%	-3.24	-1.3%	74	9/16/2021	95
VN30F2112	1476.00	-0.12%	-11.04	-20.5%	89	12/16/2021	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -8.47 điểm xuống 1487.04 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, STB, TCB, HPG, FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1485-1495 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2101	9/27/2021	104	5:1	379,700	38.24%	1,100	4,900	5.15%	1,726	2.84	94,388	88,888	92,500
CVHM2106	8/12/2021	58	10:1	212,300	31.55%	1,300	3,600	2.86%	355	10.13	131,668	118,668	112,600
CFPT2016	6/22/2021	7	5:1	1,046,200	30.42%	2,580	9,420	1.95%	6,649	1.42	54,137	43,034	83,200
CHPG2105	8/9/2021	55	2:1	485,900	36.08%	3,000	16,950	0.30%	5,805	2.92	48,000	42,000	53,200
CTCB2012	7/30/2021	45	1:1	126,100	37.32%	5,400	30,750	0.16%	30,428	1.01	27,400	22,000	52,300
CHPG2102	7/5/2021	20	1:1	64,600	36.08%	6,600	31,000	0.00%	12,308	2.52	34,996	30,144	53,200
CHPG2106	8/27/2021	73	2:1	70,600	36.08%	4,100	14,000	-0.14%	2,666	5.25	42,937	36,908	53,200
CVRE2013	7/30/2021	45	1:1	112,900	36.09%	5,000	6,450	-0.15%	5,635	1.14	32,500	27,500	32,850
CTCB2101	10/5/2021	112	1:1	61,300	37.32%	5,000	24,000	-0.83%	11,409	2.10	36,000	31,000	52,300
CTCB2103	8/9/2021	55	2:1	158,800	37.32%	2,900	9,750	-1.02%	8,530	1.14	41,300	35,500	52,300
CTCB2102	7/6/2021	21	2:1	98,700	37.32%	2,300	8,300	-1.19%	8,199	1.01	40,600	36,000	52,300
CMBB2101	7/6/2021	21	2:1	234,200	36.35%	1,600	7,050	-1.40%	6,685	1.05	29,200	26,000	39,300
CHPG2104	7/5/2021	20	3:1	100,900	36.08%	1,500	9,100	-1.62%	2,849	3.19	36,247	32,938	53,200
CHPG2107	8/12/2021	58	5:1	169,800	36.08%	1,300	5,850	-1.68%	226	25.91	48,463	43,684	53,200
CHPG2103	7/6/2021	21	2:1	70,800	36.08%	3,900	14,610	-2.27%	5,659	2.58	36,614	30,879	53,200
CHPG2108	8/12/2021	58	5:1	270,000	36.08%	1,200	5,830	-2.51%	222	26.26	48,124	43,713	53,200
CSTB2103	8/9/2021	55	2:1	139,900	45.90%	1,400	7,600	-4.04%	6,115	1.24	20,800	18,000	30,100
CVPB2015	7/30/2021	45	1:1	98,400	37.39%	5,600	41,200	-6.93%	40,652	1.01	31,600	26,000	66,500
CVPB2104	8/27/2021	73	3:1	183,200	37.39%	2,500	8,100	-7.95%	6,024	1.34	56,500	49,000	66,500
CVPB2103	8/9/2021	55	2:1	427,600	37.39%	2,700	15,500	-8.77%	15,130	1.02	41,900	36,500	66,500
Tổng				4,132,200	36.50%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng.

- CMWG2103 và CVPB2103 giảm mạnh lần lượt là -9.41% và -8.77%. Giá trị giao dịch tăng 8.72%. CFPT2016 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.80% thị trường.

- CVPB2015, CTCB2012, CTCB2102, CVPB2103, và CVPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2020, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	137.9	-0.1%	0.9	2,851	2.6	9,051	15.2	3.8	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	96.0	-1.0%	1.0	949	1.6	4,974	19.3	3.8	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	61.2	2.0%	1.4	1,975	5.9	2,548	24.0	2.2	27.2%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	43.7	-2.5%	0.5	425	0.5	3,809	11.5	1.4	54.9%	12.2%	
VIC	Bất động sản	121.7	1.4%	0.7	17,897	7.1	2,174	56.0	5.1	14.1%	9.0%	
VRE	Bất động sản	32.9	2.8%	1.1	3,245	7.6	1,175	27.9	2.5	30.4%	9.3%	
VHM	Bất động sản	112.6	2.5%	1.0	16,104	26.4	7,874	14.3	4.1	22.6%	33.6%	
DXG	Bất động sản	25.0	-0.8%	1.3	563	10.6	(61)		1.9	27.3%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	52.0	0.0%	1.5	1,477	33.9	2,776	18.7	3.0	47.3%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	102.0	4.1%	1.0	738	16.5	5,703	17.9	3.4	21.9%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	44.9	6.5%	1.6	595	20.7	2,462	18.2	2.9	47.9%	16.4%	
FPT	Công nghệ	83.2	-0.7%	0.9	3,283	6.5	4,103	20.3	4.5	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	85.0	1.1%	0.4	1,011	0.2	5,165	16.5	4.9	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	88.7	-0.9%	1.4	7,381	2.1	3,946	22.5	3.4	2.5%	14.9%	
PLX	Dầu khí	54.8	-0.4%	1.5	2,964	16.7	2,915	18.8	2.9	17.0%	16.8%	
PVS	Dầu khí	28.7	-2.0%	1.7	596	18.8	1,375	20.9	1.1	8.0%	5.4%	
BSR	Dầu khí	20.0	-1.5%	0.8	2,696	18.4	(909)	N/A	N/A	2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.5	-0.5%	0.3	543	0.0	5,647	16.9	3.3	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	21.3	-0.2%	0.7	362	2.5	1,928	11.0	1.0	14.7%	9.4%	
DCM	Hóa chất	19.5	-0.3%	0.6	448	3.7	1,122	17.3	1.6	2.5%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	102.8	0.8%	1.1	16,577	6.3	5,709	18.0	3.8	23.3%	22.8%	
BID	Ngân hàng	44.9	0.0%	1.3	7,852	6.3	2,048	21.9	2.3	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	52.1	-0.8%	1.3	8,434	36.9	4,765	10.9	2.1	25.3%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	66.5	-6.2%	1.2	7,097	112.1	4,626	14.4	2.9	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	39.3	0.0%	1.2	4,782	42.5	3,612	10.9	2.1	21.8%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	35.4	3.7%	1.0	4,153	27.6	3,194	11.1	2.5	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	60.5	4.1%	0.7	215	0.7	6,160	9.8	2.1	82.5%	20.3%	
NTP	Nhựa	51.8	2.6%	0.5	265	0.3	3,988	13.0	2.2	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	21.9	1.4%	0.7	1,047	1.0	39	561.5	1.7	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	53.2	-0.7%	1.1	10,346	50.1	4,056	13.1	3.6	26.2%	31.3%	
HSG	Thép	41.9	2.5%	1.4	890	19.6	4,914	8.5	2.5	8.1%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	92.9	0.4%	0.7	8,442	18.3	4,682	19.8	6.2	54.7%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	168.5	1.8%	0.8	4,698	2.0	7,561	22.3	5.4	62.9%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	106.5	-0.4%	0.9	5,466	4.6	1,281	83.1	7.7	32.8%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	20.5	-3.8%	1.2	550	3.6	1,131	18.1	1.6	8.8%	8.7%	
ACV	Vận tải	72.1	-0.8%	0.8	6,824	0.4	577	125.0	4.2	3.5%	3.4%	
VJC	Vận tải	117.0	1.1%	1.1	2,755	3.4	2,256		4.2	18.3%	8.3%	
HVN	Vận tải	28.1	0.2%	1.7	1,730	1.1	(9,327)		27.6	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	42.2	0.0%	1.0	552	4.1	1,246	33.8	2.1	40.9%	6.2%	
PVT	Vận tải	21.2	0.0%	1.3	298	5.9	2,281	9.3	1.4	12.8%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	103.7	-1.6%	1.0	721	0.9	8,479	12.2	3.9	3.9%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	29.3	2.8%	0.4	571	0.5	1,604	18.3	2.0	6.0%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	0.0%	0.9	269	0.5	1,566	10.3	1.1	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	62.9	-0.2%	1.0	203	0.6	3,352	18.8	0.6	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	18.6	-1.1%	0.5	193	2.1	56	333.4	0.9	24.8%	0.2%	
REE	Điện	56.9	2.5%	-1.4	765	1.9	5,770	9.9	1.5	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	26.9	0.4%	-0.4	223	0.5	2,371	11.3	1.3	10.9%	13.2%	
POW	Điện	12.1	-1.2%	0.6	1,227	3.7	1,037	11.6	1.0	3.1%	8.6%	
NT2	Điện	20.5	2.5%	0.5	257	0.8	1,872	11.0	1.4	14.9%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	37.9	6.9%	1.0	773	33.6	1,639	23.1	1.7	19.9%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	55.0	4%	0.9	2,475	0.2			3.5	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	112.60	2.46	2.48	5.39MLN
GVR	31.80	6.89	2.25	9.61MLN
VIC	121.70	1.42	1.58	1.35MLN
VCB	102.80	0.78	0.82	1.42MLN
ACB	35.35	3.67	0.74	18.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	-0.01	-2.97	37.83MLN	1.11MLN
SSB	0.00	-0.56	2.47MLN	607060
LPB	-0.01	-0.50	16.89MLN	373600
GAS	0.00	-0.42	548600	192700
CTG	0.00	-0.41	16.19MLN	611640

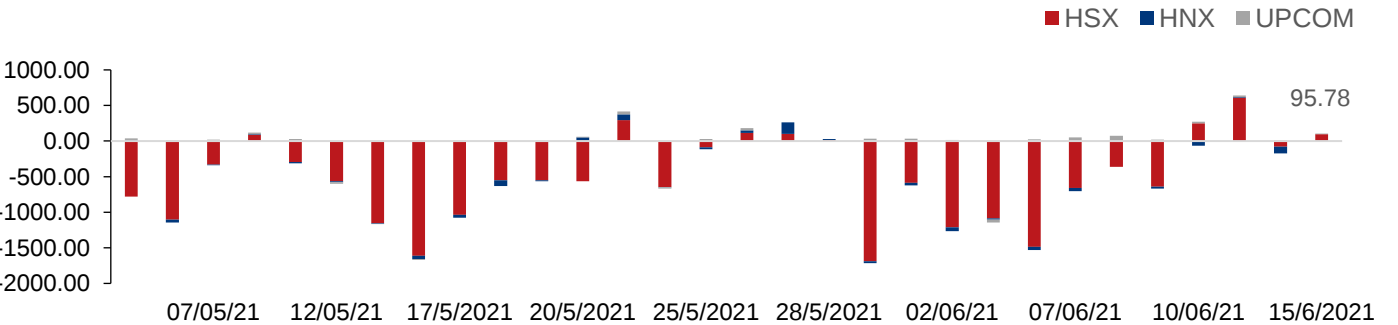
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCD	5.20	7.00	0.00	1.78MLN
FTS	34.50	6.98	0.08	1.15MLN
BMI	35.30	6.97	0.06	936200
DRC	29.20	6.96	0.06	6.25MLN
VOS	4.92	6.96	0.01	4.28MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TYA	15.55	-11.65	0.00	41000
TSC	12.85	-6.88	-0.04	6.11MLN
VAF	9.65	-6.31	-0.01	500.00
VPB	66.50	-6.21	-2.97	37.83MLN
PME	77.00	-5.87	-0.10	600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.4	3,194	11.1	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.1	577	125.0	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.8	600	16.3	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.2	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.2	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	52.1	4,765	10.9	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	19.5	1122.1	17.3	1.6	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	79.6	5,505	14.5	3.3	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	125.0	7,653	16.3	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	21.3	1,928	11.0	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	29.2	2,379	12.3	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	25.0	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	83.2	4,103	20.3	4.5	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	31.8	1,091	29.1	2.7	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.5	7,082	6.0	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	53.2	4,056	13.1	3.6	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	41.9	4,914	8.5	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.2	1,566	10.3	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.1	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.9	1,639	23.1	1.7	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.9	1,946	19.0	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	29.0			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	40.5	3,258	12.4	1.6	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	60.9	5,257	11.6	2.1	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	106.5	1,281	83.1	7.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.9	9,051	15.2	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	39.3	4,008	9.8	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.3	2,120	12.4	1.6	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.0	4,974	19.3	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.1	1,037	11.6	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.5	0	146.7	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.7	1,375	20.9	1.1	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	168.5	7,561	22.3	5.4	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.5	1,131	18.1	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	37.2	8272.5	4.5	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.3	4,074	12.8	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	102.8	5,709	18.0	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.0	4,166	11.3	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.4	570	30.5	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.5	3,837	11.9	1.6	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	112.6	7,874	14.3	4.1	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	92.9	4,682	19.8	6.2	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.5	4,626	14.4	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.9	1,175	27.9	2.5	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	102.5	4,060	25.2	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639